TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Trường An

Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân. Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 795/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Mỹ L, sinh năm 1989 (Xin Vắng).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2022, bà Tô Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Tô Mỹ L và ông Lê Tuấn A kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Tô Mỹ L yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Tuấn A.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu Lê Thúy V, sinh ngày 29/6/2015, cháu Lê Minh T, sinh ngày 04/5/2021, bà L yêu cầu nuôi con, yêu cầu ông Lê Tuấn A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/02/2023, bà Tô Mỹ L nộp đơn yêu cầu Toà án không hoà giải và giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà Tô Mỹ L.

Đối với ông Lê Tuấn A, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Lê Tuấn A đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tô Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Tô Mỹ L và ông Lê Tuấn A là tranh chấp về ly hôn, nuôi con bị đơn là ông Lê Tuấn A có nơi cư trú tại huyện T nên bà Tô Mỹ L khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Lê Tuấn A, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Lê Tuấn A vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Tuấn A theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Tô Mỹ L, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Tô Mỹ L theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Tô Mỹ L và ông Lê Tuấn A xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Bà Tô Mỹ L cho rằng do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Tuấn A. Về phía ông Lê Tuấn A, mặc dù Toà án đã thông báo theo quy định để ông Lê Tuấn A biết được yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng Toà án không nhận được ý kiến phản hồi, thể hiện nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân cùng bà L. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, mối quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Tuấn A không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Tô Mỹ L ly hôn với ông Lê Tuấn A là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà Tô Mỹ L và ông Lê Tuấn A có 02 con chung, cháu Lê Thúy V, sinh ngày 29/6/2015, cháu Lê Minh T, sinh ngày 04/5/2021. Bà L yêu cầu được nuôi con chung. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 16/02/2023, cháu Lê Thúy V có nguyện vọng được sống cùng bà L, cháu Lê Minh T còn ít tuổi, các cháu hiện đang chung sống cùng bà L, để đảm bảo ổn định trong sinh hoạt đồng thời có sự chăm

sóc của người mẹ. Do đó, giao cháu V và cháu T cho bà Tô Mỹ L nuôi dạy là phù hợp.

Bà Tô Mỹ L cầu ông Lê Tuấn A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Lê Tuấn A không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp. Hội đồng xét xử xem xét mức cấp dưỡng để vừa đảm bảo được một phần chi phí thiết yếu cho sinh hoạt của cháu các cháu, cũng đảm bảo việc thực hiện được đối với người có thu nhập trung bình. Vì vậy, buộc ông Lê Tuấn A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, ông Lê Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Mỹ L về việc ly hôn với ông Lê Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cho bà Tô Mỹ L nuôi dạy cháu Lê Thúy V, sinh ngày 29/6/2015, cháu Lê Minh T, sinh ngày 04/5/2021, ông Lê Tuấn A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính kể từ ngày tuyên án (03/7/2023) đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi. Ông Lê Tuấn A không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà Tô Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Tuấn A không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà Tô Mỹ L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 16 tháng 12 năm 2022, bà Tô Mỹ L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005933 tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được đối trừ. Ông Lê Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chưa nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Tô Mỹ L, ông Lê Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Bình;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Huệ